

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/DS-PT

Ngày: 17-01-2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản
và thực hiện N vụ do người chết để
lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tâm;
Bà Dương Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 471/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và thực hiện N vụ do người chết để lại*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2022/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 412/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L1, sinh năm 1961; cư trú tại: Tổ 14, khu phố 5, Phường 3, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Anh Lê Phước A, sinh năm 1995; cư trú tại: Đường HTP, phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn L2, sinh năm 1954; cư trú tại: Đường số 12,

đường CVL, khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người có quyền lợi, N vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn N, sinh năm 1953; cư trú tại: Đường số 12, đường CVL, khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Bà Từ Thị Mộng L, sinh năm 1960 và chị Trần Vân Th, sinh năm 1991; cùng cư trú tại: Đường số 12, đường CVL, khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Trần Văn H, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố HL, xã HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Anh Lê Phước A, sinh năm 1995; cư trú tại: Khu phố HL, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Trần Văn S, sinh năm 1963; cư trú tại: Đường số 45 NVL, ấp TT, xã TH, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Ông Trần Văn G, sinh năm 1965; cư trú tại: Đường ÂC, khu phố HA, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Phạm Ngọc L3, sinh năm 1980; cư trú tại: Đường BL, khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

+ Anh Lê Văn T, sinh năm 1982 và chị Phan Hồng Đ, sinh năm 1985; cư trú tại: Số 216, tổ 8, khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh, anh T có mặt, chị Đ yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Dương Văn K, sinh năm 1960; cư trú tại: Khu phố HT, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn L1 là nguyên đơn.

Người kháng nghị: Viện trưởng - Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Văn L1 và người đại diện theo ủy quyền của ông L1, anh Lê Phước A trình bày:

Cha mẹ ông L1 là cụ Trần Văn H, chết năm 2003 và cụ Trần Thị S, chết năm 2018. Cụ H, cụ S chung sống có 07 người con, gồm:

1. Ông Trần Văn N1, chết năm 2008. Ông N1 không có vợ con.

2. Ông Trần Văn N, sinh năm 1953.

3. Ông Trần Văn L2, sinh năm 1954, vợ tên Từ Thị Mộng L và 01 người con gái tên Trần Vân Th. Ông L2 và vợ con sinh sống cùng cha mẹ trong căn nhà thờ từ trước tới nay.

4. Ông Trần Văn H.

5. Ông Trần Văn L1.

6. Ông Trần Văn S.

7. Ông Trần Văn G.

Ngoài ra cha mẹ ông không có người con riêng, con nuôi nào khác.

Cha mẹ ông khi còn sống có tạo lập được khối tài sản chung gồm 02 phần đất như sau:

- Phần thứ nhất, có diện tích diện tích 920 m², thửa 118, tờ bản đồ 5, (trong đó có 300 m² là đất thổ cư) tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00567/D6, do UBND huyện HT cấp ngày 25/4/1994, cụ Trần Văn H đứng tên. Trên đất có căn nhà, diện tích khoảng 9 m x 25 m.

- Phần thứ hai là đất ruộng, có diện tích là 5050 m², thuộc các thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện HT cấp ngày 07/8/1997, cụ Trần Văn H đứng tên.

Cụ H, cụ S chết không để lại di chúc.

Sau khi cha mẹ ông chết, vì cần tiền trả nợ nên ông có chuyển nhượng phần di sản thừa kế mà ông được hưởng cho ông Phạm Ngọc L3, sinh năm: 1980; địa chỉ: Đường BL khu phố NA, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Di sản thừa kế là phần đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00567QSĐĐ/D6 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 25/4/1994, có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 5, diện tích: 920 m², tọa lạc tại phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, hàng thừa kế thứ nhất của gia đình ông gồm có 6 người nên theo quy định pháp luật thì ông được nhận phần diện tích: $920 : 6 = 153 \text{ m}^2$ nên ông đã chuyển nhượng kỷ phần mà ông được nhận cho ông Phạm Ngọc L3 với giá: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Thứ hai: Di sản thừa kế là phần đất nông nghiệp có diện tích 15.000 m², tọa lạc tại: Khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Hiện nay, hàng thừa kế thứ nhất của gia đình ông gồm có 6 người nên theo quy định pháp luật thì ông được nhận phần diện tích: $15.000: 6 = 2.500$ m² nên ông đã chuyển nhượng kỹ phần mà ông được nhận cho ông Phạm Ngọc L3 với giá: 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Việc chuyển nhượng đất nêu trên, ông và ông Lài có lập Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông đã giao phần đất ruộng cho ông Lài quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, theo ông được biết thì ông Trần Văn H cũng chuyển nhượng kỹ phần mà ông H được nhận cho ông Phạm Ngọc L3 với giá nêu trên.

Về phần đất ruộng ông H, ông L1 đã thỏa thuận bán phần thừa kế cho anh T, chị Đ, thỏa thuận bán diện tích 6000 m².

Ông L1 yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông là cụ Trần Văn H và cụ Trần Thị S chết để lại theo quy định của pháp luật. Trong đó, ông yêu cầu được hưởng:

- + Phần đất nhà diện tích: 153 m², tọa lạc tại phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

- + Phần đất ruộng diện tích: 2.500 m², tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Nếu yêu cầu của ông được chấp nhận, thì các phần đất mà ông được hưởng ông giao lại cho anh Phạm Ngọc L3, anh Lê Văn T, chị Phan Hồng Đ toàn quyền quản lý và sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn L2 trình bày:

Về nhân thân ông thống nhất lời trình bày của ông L1.

Cha mẹ ông khi còn sống có tạo lập được khối tài sản chung gồm:

01 căn nhà mái ngói, tường gạch có diện tích ngang khoảng 9 m x dài 25 m, trên phần đất có diện tích ngang 17 m x dài 54 m, tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh. 01 phần đất ruộng có diện tích là 1,5 ha tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh.

Nhà của Cụ H, cụ S hiện nay đang làm nhà thờ theo sự thống nhất của cụ S và các anh em trong nhà, có xác nhận của chính quyền địa phương, nội dung thỏa thuận là các con tên Nhơn, N, L2, L, T được ở vĩnh viễn trong nhà này. Nay ông L1 yêu cầu chia di sản thừa kế, ông L2 có ý kiến như sau:

Đối với căn nhà thờ, ông không tranh chấp, ông không đồng ý chia di sản theo yêu cầu của ông L1.

Nếu tòa án chia thừa kế theo quy định, ông không nhận tài sản, ông không tranh chấp tài sản, ông thống nhất để tài sản làm nhà thờ chung, ông không yêu cầu được chia, được nhận.

Trên phần đất nhà, vợ chồng ông có xây sửa nhà trước khi Cụ H chết khoảng 3-4 năm, tiền sửa nhà bao nhiêu không nhớ. Trước khi cụ S chết, phía sau căn nhà do mưa làm sập cây, gây hư hỏng nên ông đã xây sửa lại phần sau nhà ăn, cách đây gần một năm, tiền sửa khoảng hơn 200 triệu đồng. Ông L1 có biết nhưng không ngăn cản gì.

Người có quyền lợi, N quan ông Trần Văn H trình bày:

Về nhân thân, về di sản của cha mẹ, ông thống nhất lời trình bày của ông L1, ông thống nhất với yêu cầu của ông L1.

Ngày 06/10/2018, ông Trần Văn H có chuyển nhượng phần di sản thừa kế của cha mẹ cho anh Phạm Ngọc L3, sinh năm: 1980; địa chỉ: Số 761, đường Bời Lời, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Cụ thể như sau:

Thứ nhất: Di sản thừa kế là phần đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00567QSDĐ/D6 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa Thành cấp ngày 25/4/1994, có thửa đất số 118, tờ bản đồ số 5, diện tích: 920 m², tọa lạc tại phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có 6 người nên theo quy định pháp luật thì ông được nhận phần diện tích: $920 : 6 = 153 \text{ m}^2$ nên ông đã chuyển nhượng kỷ phần mà mình được nhận cho ông Phạm Ngọc L3 với giá: 425.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Thứ hai: Di sản thừa kế là phần đất nông nghiệp có diện tích 15.000 m², tọa lạc tại: Khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có 6 người nên theo quy định pháp luật thì ông H được nhận phần diện tích: $15.000 : 6 = 2.500 \text{ m}^2$ nên ông đã chuyển nhượng kỷ phần mà mình được nhận cho ông Phạm Ngọc L3 với giá: 125.000.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Hợp đồng chuyển nhượng lập ngày 06/10/2018, ông H đã giao phần đất ruộng cho ông Lài quản lý và sử dụng.

Sau khi ông L1, ông H ký Hợp đồng chuyển nhượng ngày 06/10/2018 cho ông Lài thì ông Lài có giao cho ông L1, ông H số tiền: 935.000.000 đồng (Chín trăm ba mươi lăm triệu đồng). Cụ thể:

Ông H nhận đủ toàn bộ số tiền chuyển nhượng phần đất ruộng và phần đất nhà ở là: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Ông L1 nhận số tiền 385.000.000 đồng (Ba trăm tám mươi lăm triệu đồng), số tiền còn lại là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng) tại Văn phòng công chứng hoặc theo Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và ông L1 được chia các phần đất nói trên.

Về phần đất ruộng ông H, ông L1 đã thỏa thuận bán phần thừa kế cho anh T, chị Đ, thỏa thuận bán diện tích 6000 m².

Ông H yêu cầu tòa án giải quyết chia thừa kế cho ông và phần thừa kế của ông giao cho anh L3, anh T và chị Đ.

Người có quyền lợi, N quan ông Trần Văn G, Trần Văn S vắng mặt trong quá trình tố tụng tại Tòa án và không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan anh Phạm Ngọc L3 trình bày:

Ngày 06/10/2018, ông L1, ông H thỏa thuận bán cho anh 02 phần đất mà hai ông được hưởng từ việc chia thừa kế, cụ thể: Đất ở tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT diện tích là 306 m², giá thỏa thuận là 850.000.000 đồng; đất ruộng tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT diện tích là 5000 m², giá thỏa thuận là 250.000.000 đồng. Tổng cộng 1.100.000.000 đồng, theo thỏa thuận anh giao 935.000.000 đồng, còn lại 165.000.000 đồng, anh giao đủ khi các bên ký hợp đồng tại phòng công chứng.

Hợp đồng chuyển nhượng này các bên chưa công chứng chứng thực vì ông L1, ông H chưa được cấp giấy đất.

Ngoài hợp đồng các bên còn thỏa thuận, nếu ông S bán phần đất ông S được hưởng cho ông L1 thì ông L1 cũng sẽ bán luôn cho anh L3.

Tổng số tiền anh đã đưa cho ông L1, ông H là 1.180.000.000 đồng, giao tiền cho ông S 125.000.000 đồng do ông L1 ký nhận. Anh giao tiền có ký nhận và chuyển khoản phần tiền của ông S cho ông L1, anh không gặp ông S, cũng không giao tiền cho ông S, mà thỏa thuận với ông L1.

Nay yêu cầu ông L1, ông H, ông S làm thủ tục giao đất cho anh, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Từ Thị Mộng L trình bày: Bà là vợ ông L2, thống nhất lời trình bày của ông L2.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan: **Chị Trần Vân Th, ông Trần Văn N không tham gia tố tụng và không trình bày ý kiến.**

Người có quyền lợi, N vụ liên quan anh Lê Văn T, chị Phan Hồng Đ trình bày: Năm 1991, cụ Trần Văn H bán phần đất ruộng diện tích 3000m² cho ông Đăng, đến năm 1993 ông Đăng bán cho ông Khải, đến năm 2009 ông Khải bán lại cho anh T, chị Đ phần đất trên giá 25 triệu đồng. Anh T, chị Đ tiếp tục quản lý sử dụng cho đến nay không ai tranh chấp. Nay anh chị yêu cầu các con Cụ H là ông L1, ông L2, ông H, ông S, ông G, ông N phải làm thủ tục giao lại cho anh chị phần diện tích đất ruộng đã mua của Cụ H.

Năm 2020, anh T, chị Đ mua tiếp phần đất ruộng do ông L1 và ông H bán diện tích là 6000 m², giá 90 triệu đồng/01 công đất, đưa hết 400 triệu đồng, còn lại 140 triệu đồng, thỏa thuận sau khi kết thúc vụ án ông L1, ông H làm thủ tục sang tên sẽ giao hết tiền cho ông L1 và ông H.

Trường hợp ông L1, ông H được nhận thừa kế theo quy định, anh chị yêu cầu tòa án giải quyết giao phần đất ruộng ông L1, ông H được hưởng cho anh, nếu không giao được diện tích đất đã mua thì yêu cầu giải quyết cho anh theo hợp đồng đã ký với ông L1, ông H.

Người có quyền lợi, N vụ liên quan ông Dương Văn K trình bày: Ông thống nhất ý kiến của anh T, chị Đ, ông mua đất của ông Đăng, có đến UBND xã làm giấy nhưng chưa kịp làm thì ông Đăng chết. Ông bán cho anh T, chị Đ có làm giấy tay, do ông lớn tuổi nên không làm ruộng được, bán đất lại cho anh T làm. Ông mua ruộng của ông Đăng, làm không ai tranh chấp cho đến nay.

Nay ông đồng ý giao phần diện tích đã mua của Cụ H cho anh T, chị Đ, yêu cầu các con Cụ H là ông L1, ông L2, ông H, ông S, ông G, ông N phải làm thủ tục giao lại cho anh T, chị Đ phần diện tích đất ruộng đã mua của Cụ H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 122/2022/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H đối với ông Trần Văn L2.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L3 đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H về chuyển nhượng phần thừa kế được hưởng cho anh.

Giao cho ông Phạm Ngọc L3 được toàn quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất nhà là 4m ngang x dài 54 m là 216 m² (Trong đó diện tích đất ở là 85,71 m²), tại vị trí giáp thửa 58, **tách từ** thửa 118, tờ bản đồ 5, tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

00567QSĐĐ/D6, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 25/4/1994.

Giao cho ông Phạm Ngọc L3 được toàn quyền quản lý, sử dụng: Diện tích đất ruộng là 5000 m², tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, **diện tích tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Trần Văn H ngày 07/8/1997.

Ông Trần Văn H, ông Trần Văn L1 phải trả lại cho ông Phạm Ngọc L3 số tiền là 330.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn G, Trần Văn S, Trần Văn N về thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại.

Buộc các ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn G, Trần Văn S, Trần Văn N phải giao lại cho anh T, chị Đ được toàn quyền quản lý sử dụng diện tích đất ruộng là 3000 m². Có tứ cận: **Đông giáp kênh; Tây giáp ruộng Trần Văn H; Nam giáp ruộng Huỳnh Mùi; Bắc giáp kênh. Tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 07/8/1997.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H về chuyển nhượng phần thừa kế được nhận cho anh chị.

Giao cho anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ được toàn quyền quản lý sử dụng, diện tích đất ruộng là 2.598,92 m², tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT. **Tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 7, tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 07/8/1997.

Ông Trần Văn H, ông Trần Văn L1 phải trả lại cho anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ số tiền là 166.097.200 đồng.

Ông Phạm Ngọc L3, anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/10/2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về phần phân chia diện tích đất ông L1, ông H được hưởng thừa kế và N vụ giao đất cho anh L3. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS, ngày 19-10-2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành.

- Ngày 19/10/2022, ông Trần Văn L1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia nhà thờ cho tất cả các đồng thừa kế, công nhận hợp đồng chuyển nhượng giữa ông L1, ông H và anh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1 rút yêu cầu kháng cáo yêu cầu chia căn nhà thờ và công nhận hợp đồng chuyển nhượng chuyển nhượng giữa ông L1, ông H và anh T. Ông L1 trình bày bổ sung về việc chuyển nhượng đất giữa ông L1, ông H và anh L3. Vì trong hợp đồng chuyển nhượng kỷ phần thừa kế này có liên quan đến 01 hợp đồng chuyển nhượng phần đất khác ở Hiệp Định, Hiệp Tân, Hòa Thành, Tây Ninh; ông thỏa thuận chuyển nhượng song song hai hợp đồng nên giá chuyển nhượng chỉ bằng $\frac{1}{2}$ giá trị thực tế. Nếu anh L3 không thực hiện song song 02 hợp đồng thì ông xin hủy cả 02 hợp đồng.

Trong phần tranh luận tại tòa, anh L3 và ông L1, anh A (đại diện cho ông H) thống nhất thỏa thuận: Ông L1, anh A (đại diện cho ông H) đồng ý giao kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất được chia cho anh L3 (như phần quyết định của bản án sơ thẩm) và anh L3 không yêu cầu ông L1, ông H thanh toán cho anh L3 số tiền 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Sau khi tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và N vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành; sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận phần thỏa thuận giữa ông L1, ông H và anh L3.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ông Trần Văn L2, bà Từ Thị Mộng L, chị Phan Hồng Đ, ông Dương Văn K có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Văn G, ông Trần Văn S, ông Trần Văn N, chị Trần Văn Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ 2 lần nhưng vắng mặt; căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.2] Ông Trần Văn L1 tự nguyện rút yêu cầu kháng cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông L1.

[1.3] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Văn L1, anh Lê Phước A (đại diện cho ông Trần Văn H) và anh Phạm Ngọc L3 tự nguyện thỏa thuận: Ông L1, ông H đồng ý giao kỷ phần thừa kế là quyền sử dụng đất được chia cho anh L3 (như phần quyết định của bản án sơ thẩm) và anh L3 không yêu cầu ông L1, ông H thanh toán cho anh L3 số tiền 330.000.000 (ba trăm ba mươi triệu) đồng.

Việc thỏa thuận của các đương sự (ông L1, người đại diện theo ủy quyền của ông H và anh L3) tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[2] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất về quan hệ nhân thân, hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Trần Văn H, cụ Trần Thị S. Cụ H, cụ S chết không để lại di chúc, nên di sản được chia cho các đồng thừa kế gồm: Ông Trần Văn L2, ông Trần Văn N, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L1, ông Trần Văn S, ông Trần Văn G theo quy định của pháp luật.

[2.2] Di sản của Cụ H, cụ S gồm có:

- Phần đất có diện tích 920 m² (đo đạc thực tế có diện tích 928,1 m²) thuộc thửa 118, tờ bản đồ 5, (trong đó có 300 m² là đất thổ cư) tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00567/D6, do UBND huyện Hòa Thành cấp ngày 25/4/1994, cụ Trần Văn H đứng tên. Trên đất có căn nhà, diện tích khoảng 9 m x 25 m các đương sự

không tranh chấp. Giá trị quyền sử dụng đất theo kết quả định giá là 6.186.714.600 đồng.

- Phần đất ruộng đo đạc thực tế có diện tích 14.230,9 m² thuộc các thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 7 tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 04483QSDĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành cấp ngày 07/8/1997, cụ Trần Văn H đứng tên. Giá trị quyền sử dụng đất theo thẩm định giá là 1.209.626.000 đồng.

[2.3] Do ông L2 là người có công gìn giữ di sản, thờ cúng ông bà, cha mẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét chia cho ông L2 02 kỷ phần thừa kế đối với phần đất có nhà thờ là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cụ thể di sản là phần đất có nhà thờ chia được cho 07 kỷ phần, mỗi người được hưởng là 928,1 m²: 7 = 132,58 m². Có giá trị là 132,58 m² x 6.666.000 đồng/m² = 883.778.280 đồng (làm tròn 883.778.000 đồng).

[2.4] Đối với di sản là diện tích đất ruộng thể hiện: Ngày 20/01/1991, cụ Trần Văn H đã làm tờ nhượng chủ quyền sử dụng canh tác ruộng, nội dung thỏa thuận: “*nhượng công khai phá thửa ruộng phần 20 (hai mươi cao) với 10 (mười cao) gò trồng chuối. Đông giáp kinh; Tây giáp ruộng Trần Văn H; Nam giáp ruộng Huỳnh Mùi; Bắc giáp Kinh; tọa lạc tại tập đoàn 11 đồng gò tranh Gò Kén. Nhượng với giá là 3(ba) chỉ vàng 24KR (hai mươi bốn) cho cháu tôi là Trần Quan Đ sinh năm 1952 giấy chứng minh số 290083749 ngụ nhà số E213 ấp Hiệp Long xã Hiệp Ninh (HT). Kể từ nay được trọn chủ quyền sử dụng*”, có cụ Trần Văn H, ông Trần Quan Đ, ông Trần Văn N1, ông Trần Văn L2 đồng ý ký tên.

Ngày 10/3/1993, ông Trần Quan Đ chuyển nhượng lại phần diện tích đất trên cho ông Dương Văn K với giá 05 (năm) chỉ vàng. Ngày 05/3/2009, ông Khải tiếp tục chuyển nhượng lại cho anh T với giá 25 triệu đồng; hiện anh T và chị Đ đang quản lý, sử dụng phần đất này.

Tại tòa, ông L1, ông H thống nhất việc Cụ H đã chuyển nhượng phần diện tích 3.000 m² đất ruộng cho ông Đặng, ông Đặng chuyển nhượng cho ông Khải và hiện nay là vợ chồng anh T, chị Đ đang quản lý, sử dụng do nhận chuyển nhượng từ ông Khải. Phần đất này không ai tranh chấp và đã giao cho anh T, chị Đ quản lý, sử dụng từ năm 2009 đến nay nên có cơ sở xác định phần đất ruộng diện tích 3.000 m² Cụ H đã chuyển nhượng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển nhượng, sang tên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đồng thừa kế của Cụ H thực hiện thủ tục sang tên cho anh T, chị Đ phần diện tích đất nêu trên là có căn cứ.

[2.5] Di sản là phần diện tích đất ruộng còn lại là $11.230,9 \text{ m}^2$ ($14.230,9 \text{ m}^2 - 3.000 \text{ m}^2$) được chia đều cho 06 kỹ phần: $11.230,9 \text{ m}^2 : 6 = 1.871,82 \text{ m}^2$. Có giá $1.871,82 \text{ m}^2 \times 85.000 \text{ đồng/m}^2$. Mỗi kỹ phần được hưởng $159.104.000$ đồng.

[2.6] Về giá trị di sản ông L1 được hưởng là $1.042.882.000$ đồng ($883.778.000$ đồng + $159.104.000$ đồng). Ông H được hưởng là $1.042.882.000$ đồng ($883.778.000$ đồng + $159.104.000$ đồng). Tổng cộng ông L1, ông H cùng được hưởng là $2.085.764.000$ đồng. nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông L1, ông H 01 phần diện tích đất có nhà thờ là 4m ngang x dài 54 m là 216 m^2 (trong đó có diện tích đất thổ cư là $85,71 \text{ m}^2$) và diện tích đất ruộng là $7.598,92 \text{ m}^2$. Cả 02 phần đất có tổng giá trị là $2.085.764.200$ đồng là phù hợp.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông L1, ông H (có nhận định việc chia di sản) nhưng trong phần quyết định của bản án không nêu cụ thể việc phân chia di sản cho 02 ông, chỉ giao phần di sản mà ông L1, ông H được hưởng để thực hiện việc chuyển nhượng cho anh L3 và anh T, chị Đ. Ngoài ra, hiện tại phần di sản được chia là căn nhà do ông L2 đang quản lý, sử dụng, nhưng không tuyên N vụ giao đất cho anh L3 là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Do đó, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L3, về yêu cầu ông L1, ông H thực hiện việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L1, ông L1 và người đại diện theo ủy quyền của ông H (anh Lê Phước A) thống nhất thỏa thuận:

Đối với phần di sản ông L1, ông H được chia gồm: phần diện tích đất có nhà thờ là 4 m ngang x dài 54 m là 216 m^2 (trong đó có diện tích đất thổ cư là $85,71 \text{ m}^2$) và diện tích đất ruộng là $7.598,92 \text{ m}^2$ thì ông L1, ông H đồng ý giao cho anh L3 toàn bộ phần diện tích đất có nhà thờ là 4 m ngang x dài 54 m là 216 m^2 (trong đó có diện tích đất thổ cư là $85,71 \text{ m}^2$), tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh và diện tích đất ruộng là 5.000 m^2 tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

Mặc dù diện tích phần đất có nhà thờ giao cho anh L3 không đủ như trong hợp đồng chuyển nhượng nhưng anh L3 tự nguyện chấp nhận và không yêu cầu ông L1, ông H thanh toán thêm số tiền $330.000.0000$ đồng theo bản án sơ thẩm. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều

cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ về yêu cầu ông L1, ông H thực hiện việc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L1, ông H và anh T, chị Đ xác nhận thống nhất: Năm 2020, anh T, chị Đ có thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông L1, ông H diện tích đất ruộng là 6.000 m² sau khi ông L1, ông H được chia thừa kế với giá thỏa thuận là 540.000.000 đồng. Anh T, chị Đ đã giao cho ông H 400.000.000 đồng, còn lại 140.000.000 đồng, thỏa thuận sau khi nhận được thừa kế ông L1, ông H sẽ làm thủ tục sang tên cho anh T, chị Đ.

Tại Tòa, anh T trình bày: Trường hợp ông L1, ông H được nhận thừa kế theo quy định, anh chị yêu cầu tòa án giải quyết giao phần đất ruộng ông L1, ông H được hưởng cho anh, chị nếu không giao đủ diện tích đất đã thỏa thuận thì yêu cầu giải quyết cho anh, chị theo hợp đồng đã ký với ông L1, ông H.

Đối với phần đất ruộng, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho ông L1, ông H diện tích 7.598,92 m² nhưng ông L1, ông H thống nhất giao cho anh L3 phần diện tích 5.000 m², nên diện tích đất ruộng còn lại là 2.598,92 m²; ông L1, ông H đồng ý giao cho anh T, chị Đ. Do giao không đủ diện tích nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông H, ông L1 phải trả lại cho anh T, chị Đ số tiền là 166.097.200 đồng là có căn cứ.

[5] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, sửa bản án sơ thẩm và ghi nhận sự thỏa thuận của ông L1, ông H và anh L3 tại phiên tòa phúc thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng khác: Ông L1, ông H phải chịu chi phí đo đạc, thẩm định giá là 32.155.000 đồng. Ghi nhận đã nộp và thanh toán xong.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí cho ông L1, ông H.

- Ông Phạm Ngọc L3, anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự

- Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành;
- Công nhận sự thỏa thuận của ông L1, ông H và anh L3 tại phiên tòa phúc thẩm

- Sửa bản án sơ thẩm số: 122/2022/DS-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Căn cứ vào các Điều 609, 612, 613, 615, 649, 651, 660 và Điều 500 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H đối với ông Trần Văn L2.

Chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn H, cụ Trần Thị S cho ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H, cụ thể:

- Phần diện tích đất có nhà thờ là: 4 m ngang x dài 54 m là 216 m² (Trong đó diện tích đất ở là 85,71 m²), tại vị trí giáp thửa 58, **tách từ** thửa 118, tờ bản đồ 5, tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh.

- Phần diện tích đất ruộng là 7.598,92 m² tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

(Các phần đất có sơ đồ và tứ cận kèm theo).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L3 đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H về chuyển nhượng phần thừa kế được hưởng cho anh L3.

2.1 Giao cho ông Phạm Ngọc L3 được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất 216 m² (4 m ngang x dài 54,1 m, trong đó diện tích đất ở là 85,71 m²), tại vị trí giáp thửa 58, **tách từ** thửa 118, tờ bản đồ 5, tọa lạc tại khu phố HL, phường HT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00567QSDĐ/D6, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 25/4/1994. Đất có sơ đồ và tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 60 dài 4 m.

Hướng Tây giáp đường nhựa dài 4 m.

Hướng Nam giáp thửa đất 70 (thửa cũ là 118, Tờ bản đồ số 5).

Hướng Bắc giáp thửa đất 58.

(Có sơ đồ kèm theo)

2.2 Giao cho anh Phạm Ngọc L3 được toàn quyền quản lý, sử dụng phần diện tích đất ruộng là 5.000 m², tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, tỉnh Tây Ninh, **diện tích tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 07 (BĐ Chỉ thị 299); thuộc các thửa mới là 115, 116, 117, 118, 119, 120, 145, 146, 147, 148, 149, 150 tờ bản đồ 22 (BĐĐC-2000), tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSDĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 07/8/1997. Đất có sơ đồ và tứ cận:

Hướng Đông giáp mương nước.

Hướng Tây giáp đường bờ

Hướng Nam giáp thửa 151, thửa 152.

Hướng Bắc giáp thửa đất còn lại của Cụ H.

(Có sơ đồ kèm theo)

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn G, Trần Văn S, Trần Văn N về thực hiện N vụ tài sản do người chết để lại.

3.1 Buộc các ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H, ông Trần Văn L2, ông Trần Văn G, Trần Văn S, Trần Văn N có N vụ giao đất và thực hiện thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T, chị Đ đối với phần đất ruộng diện tích 3.000 m² do cụ Trần Văn Hai đã chuyển nhượng.

Anh T, chị Đ được toàn quyền quản lý sử dụng diện tích đất ruộng là 3.000 m² nêu trên; được **tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 07 (BĐ

Chỉ thị 299); thuộc các thửa mới là 115, 116, 117, 118, 119, 120, 145, 146, 147, 148, 149, 150 tờ bản đồ 22 (BĐĐC-2000), tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 07/8/1997.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ đối với ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H về chuyển nhượng phần thừa kế được nhận cho anh T, chị Đ.

4.1 Giao cho anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ được toàn quyền quản lý sử dụng, diện tích đất ruộng là 2.598,92 m², tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT. **Tách từ** thửa 334, 335, 336, 337, 550, tờ bản đồ 07 (BĐ Chỉ thị 299); thuộc các thửa mới là 115, 116, 117, 118, 119, 120, 145, 146, 147, 148, 149, 150 tờ bản đồ 22 (BĐĐC-2000), tọa lạc tại khu phố LT, phường LTT, thị xã HT, Tây Ninh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04483QSĐĐ/450609, do UBND huyện Hòa Thành (Nay là thị xã Hòa Thành), tỉnh Tây Ninh cấp cho cụ Trần Văn H ngày 07/8/1997.

Tổng diện tích đất anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ được toàn quyền quản lý sử dụng, diện tích đất ruộng là 5.598,92 m². Đất có sơ đồ và tứ cận:

Hướng Đông giáp thửa 407, thửa 408 tờ bản đồ 23.

Hướng Tây giáp đường bờ.

Hướng Nam giáp đất còn lại của Cụ H.

Hướng Bắc giáp thửa 262.

4.2 Ông Trần Văn H, ông Trần Văn L1 có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ số tiền là 166.097.200 đồng.

5. Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các đương sự theo quyết định của bản án.

Anh Phạm Ngọc L3, anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

6. Về chi phí thẩm định giá: Ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H phải chịu chi phí là: 32.155.000 đồng. Ghi nhận ông L1, ông H đã nộp xong.

7. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn L1, ông Trần Văn H được miễn án phí theo quy định.

Hoàn trả cho ông Trần Văn L1, số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số: 0008244 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho ông Phạm Ngọc L3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0020905, ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Hoàn trả cho anh Lê Văn T và chị Phan Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số 0020574, ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp, bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã HT;
- CCTHADS thị xã HT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Kim Sang